

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/DS-ST
Ngày: 20 - 12 - 2021
*V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn N.
2. Ông Dương Vương Đ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Duy M – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc H – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toàn số 64/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T1, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn T – Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim L1 – Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, C nhánh G (Theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNNo- PC ngày 27 tháng 12 năm 2019).

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T2 – Giám đốc phòng giao dịch L2, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, C nhánh G.

** Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp T3, xã T4, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp T3, xã T4, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh Nguyễn Hoàng H1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp T3, xã T4, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4. Chị Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp T3, xã T4, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Huỳnh Thị Diễm K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T3, xã T4, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T2 có mặt; ông H, bà B, anh H1, chị C, chị K vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T2 trình bày:***

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - C nhánh huyện G, Tiền Giang - Phòng giao dịch L2 có giải quyết cho ông Nguyễn Văn H vay vốn theo 02 Hợp đồng tín dụng với nội dung sau:

- Hợp đồng tín dụng số 6905-LAV-202000999 ngày 27 tháng 02 năm 2020: Phương thức vay: Hạn mức tín dụng; Hạn mức tín dụng cao nhất : 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*); Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2020; Ngày nhận nợ vay: 21 tháng 02 năm 2020; Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*); Mục đích sử dụng tiền vay: chăn nuôi vịt đẻ; Thời hạn trả nợ cuối cùng: ngày 21 thán 04 năm 2021; Lãi suất cho vay: 9,5%/năm, tại thời điểm ký giấy nhận nợ. Mức lãi suất cho vay thỏa thuận thay đổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay của Giám đốc C nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Tiền Giang phù hợp với Quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trong từng thời kỳ; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất đối với tiền lãi chậm trả: 10%/năm. Hiện tại ông H nợ tiền vốn gốc là: 820.575.000 đồng. (*Tám trăm hai mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Tiền lãi chưa trả tạm tính đến hết ngày 20 tháng 12 năm 2021 là:

24.144.576 đồng (*Hai mươi bốn triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng*).

- **Hợp đồng tín dụng số 6905-LAV-202001698 ngày 08 tháng 04 năm 2020:** Phương thức vay: từng lần. Số tiền vay: 360.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi triệu đồng*). Thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày 08 tháng 04 năm 2020 đến ngày 05 tháng 04 năm 2025. Ngày vay: 09 tháng 04 năm 2020. Mục đích sử dụng tiền vay: C phí sửa chữa nhà ở DT 120 m². Thời hạn trả nợ cuối cùng: ngày 05 tháng 04 năm 2025. Lãi suất cho vay: 12,0%/năm, tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng. Mức lãi suất cho vay thỏa thuận thay đổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay của Giám đốc C nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Tiền Giang phù hợp với Quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam trong từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất đối với tiền lãi chậm trả: 10%/năm. Phân kỳ trả gốc và lãi: 10 kỳ. Ông H đã trả nợ gốc: 90.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*). Dư nợ gốc hiện còn là: 270.000.000đ (*hai trăm bảy mươi triệu đồng*). Tiền lãi đối với hợp đồng này ông H đã trả lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 nên hiện tại ông H không nợ lãi.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên là 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành L190962, số vào sổ 84; do UBND huyện G cấp ngày 09/02/1998, diện tích: 10.987m² (đất lúa+vườn+thổ).

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AO727449, số vào sổ H00487; do UBND huyện T cấp ngày 06/10/2009, diện tích: 2.681m² (đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm).

+ Giấy CNQSD đất số phát hành AO954457, số vào sổ H00352; do UBND huyện T cấp ngày 24/4/2009, diện tích: 1.495m² (đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm).

Nay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Buộc ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo 02 hợp đồng tín dụng, nợ gốc là 1.090.575.000đ (*Một tỷ không trăm chín mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), nợ lãi theo hợp đồng cho đến khi tất nợ (số tiền lãi tạm tính đến ngày 20/12/2021 là 24.144.576 đồng, (*Hai mươi bốn triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng*)).

Nếu ông H không trả yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để cản trừ nợ.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt suốt quá trình tố tụng không trình bày ý kiến.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt suốt quá trình tố tụng không trình bày ý kiến.

** Bị đơn anh Nguyễn Hoàng H1 vắng mặt suốt quá trình tố tụng không trình bày ý kiến.*

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng C vắng mặt suốt quá trình tố tụng không trình bày ý kiến.*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Diễm K vắng mặt suốt quá trình tố tụng không trình bày ý kiến.*

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:**

- *Về tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Buộc ông Nguyễn Văn H trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền nợ 1.090.575.000 đồng (*Một tỷ không trăm chín mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), nợ lãi theo hợp đồng cho đến khi tất nợ (số tiền lãi tạm tính đến ngày 20/12/2021 là 24.144.576đ, bằng chữ: *Hai mươi bốn triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng*).

- *Về tài sản thế chấp:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn để cần để cần trừ nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại **Điều 463** Bộ luật Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Hoàng H1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Diễm K mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H, bà B, anh H1, chị C, chị K vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn

cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà B, anh H1, chị C, chị K.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh huyện G, tỉnh Tiền Giang) yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả số tiền vốn gốc là 1.090.575.000đ (*Một tỷ không trăm chín mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ngân hàng hàng cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện T các chứng cứ: 01 Hợp đồng tín dụng Số Hợp đồng tín dụng: 6905-LAV-202000999 ngày 27 tháng 02 năm 2020, người vay là ông Nguyễn Văn H với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) và 01 Hợp đồng tín dụng số 6905-LAV-202001698 ngày 08/4/2020, người vay là ông Nguyễn Văn H với số tiền vay là 360.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*). Trong quá vay thì ông Nguyễn Văn H đã trả được số tiền vốn gốc là 269.425.000 đồng. Căn cứ vào điều 5 và Điều 08 của 02 hợp đồng tín dụng thì 02 khoản nợ vay của ông Nguyễn Văn H đã đến hạn trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh huyện G, tỉnh Tiền Giang) về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả số tiền vốn gốc là 1.090.575.000đ (*Một tỷ không trăm chín mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*)

[4] Về yêu cầu tính lãi: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh huyện G, tỉnh Tiền Giang) yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả lãi theo số tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng: 6905-LAV-202000999 ngày 27 tháng 02 năm 2020 và Hợp đồng tín dụng số 6905-LAV-202001698 ngày 08/4/2020 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để cản trừ nợ: Khi ông Nguyễn Văn H vay vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thì ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Hoàng H1, bà Nguyễn Thị Hồng C đã thế chấp quyền sử dụng đất gồm: thửa 593, thửa 662, thửa 627, thửa 631, thửa 893, thửa 894, tổng diện tích các thửa là 10.987m², loại đất lúa+vườn+thổ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 84/QSDĐ, do UBND huyện G cấp ngày 09 tháng 02 năm 1998 cho hộ ông Nguyễn Văn H; thửa số 596, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.681 m², loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00487 do UBND huyện T cấp ngày 06 tháng 10 tháng 2009 cho hộ bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn H; thửa đất số 628, tờ bản đồ số 7, diện tích là 1.495m², loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00352, do UBND huyện T cấp ngày 24 tháng 4 năm 2009 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B. Nay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam yêu cầu nếu ông Nguyễn Văn H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Để chứng minh cho yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của mình thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Hợp

đồng thể chấp quyền sử dụng đất số 171HOANG6624 ngày 08 tháng 3 năm 2017 và phụ lục Hợp đồng thể chấp quyền sử dụng đất số 171HOANG6624 ngày 01 tháng 4 năm 2019. Theo B bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện T thì vào thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Nguyễn Văn H gồm có Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị B, Nguyễn Hoàng H1 và Nguyễn Thị Hồng C. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để cản trừ nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền vốn gốc 1.090.575.000 đồng (*Một tỷ không trăm chín mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng (lãi tạm tính đến ngày 20 tháng 12 năm 2021 là số tiền lãi tạm tính đến ngày 20 tháng 12 năm 2021 là 24.144.576 đồng), trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu ông Nguyễn Văn H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp gồm thửa 593, thửa 662, thửa 627, thửa 631, thửa 893, thửa 894, tổng diện tích các thửa là 10.987m², loại đất lúa, vườn, thổ, địa chỉ ấp T3, xã T4, huyện T, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 84/QSĐĐ, do UBND huyện G cấp ngày 09 tháng 02 năm 1998 cho hộ ông Nguyễn Văn H; thửa số 596, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.681 m², loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, địa chỉ ấp T3, xã T4, huyện T, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00487 do UBND huyện T cấp ngày 06 tháng 10 tháng 2009 cho hộ bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn H; thửa đất số 628, tờ bản đồ số 7, diện tích là 1.495m², loại đất ở nông thôn và đất trồng cây

lâu năm, địa chỉ ấp T3, xã T4, huyện T, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00352, do UBND huyện T cấp ngày 24 tháng 4 năm 2009 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B để thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn gốc và lãi cho Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc ông Nguyễn Văn H pH1 chịu 45.441.587 đồng (*bốn mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Nông thôn Việt Nam – C nhánh G số tiền tạm ứng án phí là 25.875.000đ (*Hai mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo B lai số 49801 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của C cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc H